| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TUY AN**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 30/2018/QĐST- HNGĐ | *Tuy An, ngày 02 tháng 4 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa:

**Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T –** sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn BH, xã AD, huyện TA, tỉnh Phú Yên.

**Bị đơn*: Anh **Trần L** - sinh năm 1975.

Địa chỉ: thôn BH, xã AD, huyện TA, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần L.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về con chung**: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần L thống nhất có 02 con chung, gồm: Trần Việt L – sinh ngày 04/3/2000 và Trần Thị Bích Ng – sinh ngày 20/6/2002. Chị T và anh L thống nhất thoả thuận giao con chung tên Trần Thị Bích Ng – sinh ngày 20/6/2002 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và anh L không yêu cầu chị T phải

cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Trần Việt L đã thành niên, có khả năng lao động và tài sản tự nuôi sống bản thân nên chị T và anh L thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung**: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần L thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T thỏa thuận chịu **150.000đ** (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2015/0007246 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T **150.000đ** tiền tạm ứng án phí còn lại tại biên lai nêu trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh PY (1);
- VKSND H.Tuy An (2);
- Chi cục THADS H. Tuy An (1);
- UBND xã An Dân, h. Tuy An(1);
- Nguyên đơn(1)
- Bị đơn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án(2)
- Lưu án văn (2).

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Võ Xuân Huy**